TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 01/2020/QĐST-DS	*TD, ngày 18 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-DS ngày 26/12/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1967;

Bà Phùng Thị T, sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn L, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trịnh Thị Thu S, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn L, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh H chị S có trách nhiệm trả cho Ông U Bà T số tiền nợ gốc 60.580.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) và số tiền nợ lãi tính từ ngày 18/02/2020 đến ngày 30/6/2021 là 7.438.000đ (Bảy triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Ngày 30/6/2020 anh H chị S trả cho Ông U Bà T số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*.

Ngày 30/12/2020 anh H chị S trả cho Ông U Bà T số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

Ngày 30/6/2021 anh H chị S trả cho Ông U Bà T số tiền 30.580.000đ *(Ba mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)* và số tiền nợ lãi 7.438.000đ *(Bảy triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng)*.

2.2. Nếu đến hạn trả nợ, anh H chị S không trả tiền cho Ông U Bà T thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí:

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.700.450đ *(Một triệu bảy trăm nghìn bốn trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Ông U Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.014.500đ (*Hai triệu không trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0003048 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hoài